

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST
Ngày 08/07/2026.
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên.

Hội thẩm nhân dân:

[1]. Bà Lê Thị Thận;

[2]. Bà Võ Thị Ngọc ;

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Thủy - Chức danh: Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 05 năm 2026 và các ngày 07, 08 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Nai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 153/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 04 năm 2026, về việc “Ly hôn”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 06 tháng 05 năm 2026, và Thông báo số 02/TB-TA ngày 29/06/2026 về việc tiếp tục xét xử vụ án, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thế V; sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai.

CCCD: 0700xxxxxxx

Bị đơn: Nguyễn Thị Ngọc D; sinh năm 1996 (có mặt).

CCCD: 0701xxxxxxx

Địa chỉ: Thôn M, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1977 (có mặt) Thuộc Công ty L - Đoàn Luật sư T1.

Địa chỉ: Số A, QL A, xã B, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Thế V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện chung sống với

nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (cũ) vào ngày 17/01/2022, số đăng ký 03/2022. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xảy ra cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng ly thân, cô Nguyễn Thị Ngọc D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Nguyễn Thị Ngọc D.

Về con chung: Nguyễn Ngọc Giai N, sinh ngày 06/04/2023, cô Nguyễn Thị Ngọc D nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, theo đơn phản tố của cô D, yêu cầu anh trả nợ lại tài sản 2 cây vàng 24k mà anh V đã vay của cô D thì anh có ý kiến như sau: Anh thừa nhận có vay vàng của cô D nhưng đã lâu anh không nhớ vay số lượng bao nhiêu, anh thừa nhận là vay vì lúc đó vợ chồng đang giận nhau nên anh muốn làm cho cô D hài lòng, quay về đoàn tụ gia đình; số lượng vàng được cho khi cưới là tài sản chung vợ chồng sao tôi lại phải vay nợ vì không phải là tài sản riêng, cô D nói tôi vay là không đúng; số lượng 2 cây vàng theo tôi thì không đúng vì số lượng không nhiều như vậy, mục đích anh vay để bán trả khoản nợ mà anh nợ bên ngoài trước khi kết hôn với cô D nhưng thực tế là để vợ chồng tiêu sài chung, đi du lịch, mua điện thoại, lắc đeo tay, vì khi kết hôn xong là vợ chồng đã ra ở riêng, 2 chỉ vàng thì anh đã trả cô D khi cô D đi sinh con, mẹ anh mang xuống đưa cô D số tiền 10.000.000đ"13" \o " (" (tương đương 2 chỉ vàng). Nếu cô D đưa ra được chứng cứ chứng minh số lượng vàng đưa cho anh, anh đã nhận 2 cây vàng thì anh đồng ý trả. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày nội dung:

Về tình cảm, anh Nguyễn Thế V trình bày là đúng, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Ngọc Giai N, sinh ngày 06/04/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc D nhận nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung không có.

Về nợ: Theo đơn phản tố, chị yêu cầu anh Nguyễn Thế V trả lại tài sản 2 cây vàng 24k mà anh V đã vay của chị, cụ thể như sau: Ngày đăng ký kết hôn 17/01/2022, ngày 21/01/2022 dương lịch (tức ngày 19/12/2021 (âm lịch) thì làm đám hỏi, đám ngõ, cha mẹ họ hàng cho vàng được 2 cây vàng, sau đó mấy ngày thì anh V hỏi vay 1,8 cây vàng và tôi có đưa cho anh V để anh V bán trả khoản nợ riêng của anh V có trước khi kết hôn, đến ngày 30/04 - 01/05/2022 tổ chức đám cưới, trước khi tổ chức đám cưới anh V tiếp tục vay tôi 2 chỉ vàng để đi cầm đồ lấy tiền mua lắc vàng đeo vào ngày cưới, nên tổng số vàng anh V vay của tôi là 2 cây vàng 24k, khi vay không hẹn thời hạn trả nợ, tại phiên tòa chị D thừa nhận từ khi anh V vay đến nay, chị chưa

có thông báo gửi anh V yêu cầu trả nợ trong một thời hạn cụ thể.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận đơn phản tố bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Thế V có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D, nay anh Nguyễn Thế V xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã B, Tp ., căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 35, Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Nai là đúng.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng, anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thế V và chị Nguyễn Thị Ngọc D là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Nguyễn Thế V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đã sống ly thân và đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn Thế V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D.

[4]. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự, giao cháu Nguyễn Ngọc Giai N, sinh ngày 06/04/2023 cho chị Nguyễn Thị Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thế V cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc Giai N, sinh ngày 06/04/2023 số tiền 2.000.000đ/1tháng cho đến khi con thành niên, cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7].Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Xét đơn phản tố của chị Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu anh V trả lại tài sản 2 cây vàng 24k mà anh V vay của chị.

Xét thấy theo lời khai của chị D, khi anh V vay không hẹn thời hạn trả nợ, tại phiên tòa chị D cũng thừa nhận từ khi anh V vay đến nay chị chưa có thông báo gửi anh V yêu cầu trả nợ trong một thời hạn cụ thể, theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định:

“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy chị D khởi kiện khi chưa thông báo cho anh V về thời hạn trả nợ cụ thể nên chưa đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án đình chỉ giải quyết đơn phản tố của chị D. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[8].Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Thế V nộp 300.000đ theo luật định, khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007498 ngày 02/04/2026.

Anh Nguyễn Thế V nộp án phí trợ cấp nuôi con 300.000đ.

Thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.850.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008206 ngày 10/04/2026.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 ; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.[1].Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Thế V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc D.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Giai N, sinh ngày 06/04/2023, cho chị Nguyễn Thị Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm

nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thế V cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Ngọc Giai N, sinh ngày 06/04/2023 số tiền 2.000.000đ/01tháng cho đến khi con thành niên, cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đình chỉ giải quyết đơn phản tố của chị Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu anh Nguyễn Thế V trả nợ cho mình. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Thế V nộp 300.000đ theo luật định, khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007498 ngày 02/04/2026.

Anh Nguyễn Thế V nộp án phí trợ cấp nuôi con 300.000đ.

Thi hành án dân sự thành phố Đ hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.850.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008206 ngày 10/04/2026/

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[7]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tp. Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS; UBND
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến